

Bản án số: 131/2019/DS-PT.

Ngày : 15-11-2019

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Ông Lương Xuân Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLPT-DS ngày 23/7/2019 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXX-DSPT ngày 02/10/2019, giữa các đương sự:

*** Đồng nguyên đơn:**

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957 (Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Ng1, sinh năm 1959(Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Ng2, sinh năm 1963(Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1965 (Có mặt)

Đều có địa chỉ: THÔN YKH, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: THÔN YKH, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Thân Thị H2, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: THÔN YKH, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- UBND thành phố BG do ông Thân Đức H3 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

- UBND xã SKh, thành phố BG do ông Đào Văn D1- Chủ tịch UBND làm đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 đều thống nhất trình bày:

Bố mẹ các ông bà là cụ Nguyễn Văn Soi, sinh năm 1934, chết năm 2011 và cụ Trịnh Thị Thoa, sinh năm 1929, chết năm 2003. Bố mẹ ông bà sinh được 07 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Hương (là liệt sỹ hi sinh năm 1981), ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn Căn (đã chết năm 2000) và ông Nguyễn Văn C2. Ngoài ra bố mẹ các ông bà không có người con nuôi hay con riêng nào khác. Trong thời gian cụ Soi, cụ Thoa chung sống có tạo lập được tài sản là nhà đất và định suất ruộng cấy lúa và định suất đất rau xanh. Theo định suất ruộng Nhà nước chia năm 1992 thì cụ Soi và cụ Thoa mỗi người đều có 1,5 định suất ruộng (một định suất ruộng tương đương với 560m²) và 72m² đất rau xanh. Qua quá trình sử dụng cũng như việc Nhà nước thu hồi đất thì hiện khối tài sản của cụ Thoa, cụ Soi còn là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 2, diện tích 672,1m² tại Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang và 1.284 m² đất nông nghiệp được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSDĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi gồm:

- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 3, diện tích 264 m² địa chỉ: xứ đồng Cây Quân, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 480 m² và 360 m² địa chỉ: xứ đồng Đình, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3, diện tích 180 m² địa chỉ: xứ đồng Dâu, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Cùng toàn bộ số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là 259.965.480 đồng, cụ thể như sau: Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích thu hồi 51m² tại xứ đồng cây Duối là 9.588.000 đồng; Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 276m² tại xứ đồng Muộn là 53.388.000 đồng; Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 604m² và 108m² tại xứ đồng De là 196.989.480 đồng.

Cụ Soi, cụ Thoa không để lại di chúc định đoạt toàn bộ tài sản trên cho ai. Cụ Soi và cụ Thoa khi còn sống thì ở chung cùng vợ chồng ông C2, bà H3, di sản thừa kế là quyền sử dụng đất sau khi cụ Soi và cụ Thoa chết do vợ chồng ông C2, bà H3 quản lý sử dụng. Khi Nhà nước thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường

thì: thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích thu hồi 51m^2 tại xứ đồng cây Duối là 9.588.000 đồng và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 276m^2 tại xứ đồng Muộn là 53.388.000 đồng ông C2 là người nhận tiền và sử dụng toàn bộ số tiền này. Còn số tiền 196.989.480 đồng Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 604m^2 và 108m^2 tại xứ đồng De, hiện Nhà nước chưa chi trả do có tranh chấp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp của cụ Thoa, cụ Soi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Đến nay diện tích thực tế thửa đất so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây không xác định được sự chênh lệch do phía bị đơn cản trở việc đo đạc, thẩm định của các cơ quan chuyên môn. Các đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 1999.

Ngoài ra đồng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đối với tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản ông C1 đứng ra đã nộp tạm ứng và đã thanh toán hết 1.500.000 đồng, nay ông Ng1, ông Ng2, ông C1 đều không yêu cầu giải quyết và thống nhất tự chịu chi phí này.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 09/10/2018 Tòa án nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H1 xin rút yêu cầu khởi kiện, bà đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng trong vụ án, các quyền lợi của bà bà đồng ý giao lại hết cho ông Nguyễn Văn C2; Đối với ông Ng1, Ngu, Cư đều thống nhất yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Soi, cụ Thoa như sau:

1, Diện tích 1.284 m^2 đất nông nghiệp được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi chia thành 5 phần đất cho mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất.

2, Toàn bộ số tiền Nhà nước chi trả khi thu hồi đất là 259.965.480 đồng chia đều cho 5 người trong hàng thừa kế thứ nhất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn C2 trình bày:*

Ông C2 xác nhận bố mẹ ông là cụ Soi và cụ Thoa đã chết, các cụ sinh được 7 người con chung như ông Ng1, ông Ng2, ông C1 trình bày là đúng. Tuy nhiên, những thửa đất đã thu hồi như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 2, diện tích $672,1\text{m}^2$ tại Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang và 3852 m^2 đất nông nghiệp được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ

ông Nguyễn Văn Soi. Tuy nhiên trong sổ diện tích đất này có 585 m² đất riêng của bà Thân Thị H2.

- Năm 1997 khi cụ Soi còn sống thì Nhà nước đã thu hồi 8 thước đất ở xứ đồng Cây Duối và cụ Thoa là người lĩnh tiền bồi thường để chữa bệnh.

- Đối với số tiền Nhà nước đền bù khi thu hồi 02 sào đất nông nghiệp ở xứ đồng Muộn với mức 68.000.000đồng/sào thì các anh chị em trong gia đình đều thống nhất để ông đứng ra nhận tiền bồi thường và không có ý kiến gì.

- Năm 2017 Nhà nước thu hồi khoảng 2,5 sào với mức 92.000.000đồng/sào thì các anh chị em trong gia đình đều thống nhất để ông đứng ra nhận tiền bồi thường và không có ý kiến gì.

Ngày 30/11/2017 Nhà nước tiếp tục thu hồi 02 thửa ruộng ở xứ đồng De với số tiền bồi thường là 196.989.480 đồng thì Nhà nước chưa chi trả tiền vì anh em trong gia đình có tranh chấp.

Hiện nay di sản của bố mẹ ông để lại còn lại còn 3 thửa ruộng tại xứ đồng Đình, xứ đồng Cây Quân và xứ đồng Dâu vợ chồng ông đang canh tác.

Tuy nhiên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước khi chết bố ông là cụ Soi có giấy ủy quyền năm 2006 để lại cho ông toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cũng như đất ở của bố mẹ ông nên ông có quyền sử dụng, định đoạt cũng như nhận bồi thường đối với phần diện tích đất Nhà nước đã thu hồi. Mặt khác, số tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất của cụ Soi, cụ Thoa mà ông là người đại diện nhận tiền thì cũng đã chi hết để lo cho bố mẹ khi ốm đau, phụng dưỡng bố mẹ và lo ma chay, giỗ chạp cho bố mẹ nên không còn. Đối với số tiền bồi thường Nhà nước chưa chi trả thì cũng là do công sức giữ gìn, tôn tạo khối di sản. Vợ chồng ông là người chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ khi về già và cũng là người lo ma chay khi bố mẹ chết. Mặt khác, các anh chị đều đã được bố mẹ chia cho phần đất ở riêng và đất ruộng riêng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nằm ngoài diện tích đất ở và đất nông nghiệp đang tranh chấp.

Ngoài ra bị đơn không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H2 trình bày:*

Bà và ông C2 là vợ chồng, sau khi kết hôn thì vợ chồng bà ở chung với cụ Thoa, cụ Soi tại Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG từ khi kết hôn cho đến khi cụ Soi và cụ Thoa chết.

Bà nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn về các con của bố mẹ chồng bà là cụ Soi và cụ Thoa.

Bà xác nhận trong phần diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình nhà cụ Soi được nhà nước cấp sổ đỏ năm 1999 có phần diện tích 585 m² đất riêng của bà

gồm:

+ Thửa 131, tờ bản đồ số 01, diện tích 40m^2 ở xứ đồng cây Vối; diện tích đất thực tế được đền bù là 58.4m^2 , số tiền được đền bù 15.020.480 đồng.

+ Thửa 77, tờ bản đồ số 02, diện tích 360m^2 ở xứ đồng Muộn; diện tích đất thực tế là 376.9m^2 nhưng năm 2016 bị thu hồi.

+ Thửa 56, tờ bản đồ số 01, diện tích 185m^2 ở xứ đồng Gủng; diện tích đất thực tế được đền bù là 197.8m^2 .

Nay ông Ng1, ông Ng2 và ông C1 khởi kiện yêu cầu chia phần tiền bồi thường Nhà nước chi trả và phần diện tích đất nông nghiệp còn lại của cụ Soi và cụ Thoa thì bà nhất trí với ý kiến của chồng là ông Nguyễn Văn C2 và không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố BG có quan điểm như sau:*

Về nguồn gốc và diễn biến thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng:

Hộ ông Nguyễn Văn Soi được UBND huyện Yên Dũng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số 00673/QSDĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 diện tích 3.852m^2 , trong đó có 11 thửa đất nằm trong chỉ giới thu hồi, bồi thường để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng, kho bãi Logistics Quốc tế thành phố BG.

Ngày 01/12/2016 UBND thành phố BG có các Quyết định: Số 1296/QĐ-UBND, số 1297/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Soi được Nhà nước thu hồi 01 thửa đất tại xứ Đồng Muộn do ông Nguyễn Văn C2 là con đứng tên đại diện, cụ thể: Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 28, diện tích $376,9\text{m}^2$; diện tích thu hồi $221,9\text{m}^2$ với tổng kinh phí bồi thường là 57.072.680 đồng, đã nhận tiền.

Ngày 01/12/2016 UBND thành phố BG có các Quyết định: Số 1296/QĐ-UBND, số 1297/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Soi được Nhà nước thu hồi 01 thửa đất tại xứ Đồng Muộn do ông Nguyễn Văn C2 là con đứng tên đại diện, cụ thể: Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 28, diện tích $376,9\text{m}^2$; diện tích thu hồi $221,9\text{m}^2$ với tổng kinh phí bồi thường là 57.072.680 đồng, đã nhận tiền.

Ngày 21/6/2017, UBND thành phố BG có các Quyết định: Số 747/QĐ-UBND, số 748/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Soi được Nhà nước thu hồi 02 thửa đất do ông Nguyễn Văn C2 là con đứng tên đại diện, cụ thể: Thửa đất số 814, tờ bản đồ số 29, diện tích $426,2\text{m}^2$ tại xứ đồng Trại và thửa đất số 144, tờ bản đồ số 35, diện tích $129,4\text{m}^2$ tại xứ đồng Mầu; tổng kinh phí bồi thường là

142.900.320 đồng, đã nhận tiền.

Ngày 29/8/2017, UBND thành phố BG có các Quyết định: Số 1396/QĐ-UBND, số 1397/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Soi được Nhà nước thu hồi 04 thửa đất do ông Nguyễn Văn C2 là con đứng tên đại diện, cụ thể: Thửa đất số 570, tờ bản đồ số 21, diện tích 46,7m² tại xứ đồng Cây Vối, thửa đất số 284, tờ bản đồ số 22, diện tích 58,4m² tại xứ đồng Cây Vối; Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 197,8m² tại xứ đồng Gủng và thửa đất số 429, tờ bản đồ số 21, diện tích 182,9m² tại xứ đồng Cửa Chùa, tổng kinh phí bồi thường là 124.947.760 đồng, đã nhận tiền.

Ngày 18/10/2017, UBND thành phố BG có các Quyết định: Số 1746/QĐ-UBND, số 1747/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Soi được Nhà nước thu hồi 02 thửa đất do ông Nguyễn Văn C2 là con đứng tên đại diện, cụ thể: Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 30, diện tích 119,5m² tại xứ đồng Ngòi và thửa đất số 606, tờ bản đồ số 29, diện tích 97,6m² tại xứ đồng Màu; tổng kinh phí bồi thường là 55.838.120 đồng, đã nhận tiền.

Ngày 30/11/2017, UBND thành phố BG có các Quyết định: Số 2024/QĐ-UBND, số 2025/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Soi được Nhà nước thu hồi 02 thửa đất do ông Nguyễn Văn C2 là con đứng tên đại diện, cụ thể: Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 28, diện tích 652,9m² tại xứ đồng De và thửa đất số 234, tờ bản đồ số 29, diện tích 1130m² tại xứ đồng De; tổng kinh phí bồi thường là 196.989.480 đồng (Bộ phận chi trả tiền bồi thường yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Soi, bà Thoa cử người đại diện nhận tiền, do các con ông Soi không thống nhất được nên số tiền trên được giữ tại Kho bạc Nhà nước theo quy định).

Về quan điểm giải quyết: Do các con ông Nguyễn Văn Soi không thống nhất được việc phân chia tài sản thừa kế. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BG xem xét, giải quyết việc phân chia theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã SKh do ông Đào Văn D1- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã SKh là đại diện theo pháp luật có quan điểm:*

Về nguồn gốc sử dụng đất: Thời kỳ chia ruộng năm 1991 - 1992, hộ gia đình ông Nguyễn Văn Soi được Hợp tác xã Yên Khê chia ruộng theo định suất giao ruộng. Năm 1994, hộ gia đình ông Nguyễn Văn Soi được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó năm 1999 hộ gia đình ông Nguyễn Văn Soi được UBND huyện Yên Dũng cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB - H,

với tổng diện tích 3.852,0m².

Về việc Nhà nước thu hồi đất: Tổng số diện tích đất ruộng mà UBND thành phố BG đã thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Soi. Số diện tích đại diện hộ gia đình đã nhận tiền, số diện tích thu hồi tương đương với số tiền bồi thường mà hiện nay UBND thành phố BG vẫn đang giữ vì có tranh chấp đúng như các Quyết định thu hồi đất, biên bản nhận tiền của hộ gia đình mà UBND xã SKh đã cung cấp cho Tòa án.

Về quan điểm: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BG căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và các quy định hiện hành để xem xét, giải quyết theo quy định.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/3/2019 xác định các thửa đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 2014. Vì vậy, để xác định được chính xác diện tích đất tranh chấp, quan điểm của các phòng ban chuyên môn cho rằng cần phải tiến hành đo đạc diện tích đất tranh chấp bằng máy móc chuyên dụng. Ngày 03/6/2019 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại và có cán bộ chuyên môn của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường của Sở Tài nguyên môi trường mang theo máy móc chuyên dụng nhưng ông Nguyễn Văn C2 và bà Thân Thị H2 cản trở không cho đo đạc vì vậy không xác định được diện tích thực tế hiện còn bao nhiêu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đã được cấp.

* Tại Biên bản định giá ngày 03/6/2019, Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị đối với các tài sản đang tranh chấp như sau: Định giá 01m² đất nông nghiệp trồng lúa tại Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG có giá 60.000đồng/1m².

*Tại Biên bản làm việc với chính quyền địa phương xác định: Ông C2, bà Hoa kết hôn năm 1994, ở chung cùng cụ Soi, cụ Thoa từ năm 2003, trước đó thì cụ Soi, cụ Thoa ở với ông Căn, năm 2000 thì ông Căn chết. Năm 2003 cụ Thoa Soi chết, trước đó cụ Thoa bị bệnh ung thư phải điều trị thời gian dài, việc chăm sóc cụ Thoa chủ yếu do cụ Soi lo, vợ chồng ông C2 ở gần nên đỡ đần cụ Soi. Năm 2001 cụ Soi chết, thời gian cụ Soi ốm rồi chết do vợ chồng ông C2 chăm sóc, lo liệu là chính, việc lo ma chay cho cụ Soi làm tại nhà ông C2, chi phí lo ma chay như thế nào địa phương không nắm rõ. Từ khi cụ Soi, cụ Thoa chết việc lo cúng giỗ tại nhà ông C2, khi chưa có tranh chấp thì ông C2 vẫn lo cúng giỗ, còn khi xảy ra tranh chấp thì ông Ng1, ông Ng2, ông C1 tự cúng giỗ riêng. Đối với các thửa đất nông nghiệp hiện các đương sự đang tranh chấp, qua quá trình sử dụng đến nay có biến động không thể xác định được diện tích cụ thể theo thực tế sử dụng nên Tòa án căn cứ vào các số liệu theo bản đồ địa chính năm 2014 để xác định diện tích.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa: Các đương sự đều thống nhất tài sản của cụ Soi, cụ Thoa có gồm toàn bộ số tiền Nhà nước chi trả khi thu hồi đất là 259.965.480 đồng. Cụ thể bao gồm: Số tiền Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích thu hồi 51m² tại xứ đồng cây Duối là 9.588.000 đồng và số tiền Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 276m² tại xứ đồng Muộn là 53.388.000 đồng do ông C2 và bà H3 đã nhận tiền bồi thường; số tiền Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 604m² và 108m² tại xứ đồng De là 196.989.480 đồng hiện chưa được Nhà nước chi trả do có tranh chấp và các thửa đất do ông C2, bà H3 đang quản lý sử dụng như sau:

- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 3, diện tích 264 m² địa chỉ: xứ đồng Cây Quân, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 480 m² và 360 m² địa chỉ: xứ đồng Đình, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3, diện tích 180 m² địa chỉ: xứ đồng Dâu, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Đồng nguyên đơn gồm ông Ng1, ông Ng2, ông C1 giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế các tài sản trên, đối với tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản các ông đã thanh toán thì các ông xin chịu toàn bộ, không yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán; bà Hoa xin rút yêu cầu khởi kiện có quan điểm đối với kỷ phần thừa kế của bà nếu được chia thì đề nghị Tòa án tạm giao cho ông C2 quản lý.

Ông C2 đồng ý với đề nghị của bà Hoa, không đồng ý với yêu cầu của ông Ng1, ông Ng2, ông C1 vì ông cho rằng toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ Soi, cụ Thoa trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi đã cho ông theo Giấy ủy quyền của cụ Soi ghi ngày 25/11/2006 và ông xuất trình Biên bản họp gia đình ngày 28/6/2017, ông cho rằng nội dung họp gia đình này thể hiện việc các anh chị em ông đã cho ông toàn bộ đất bố mẹ để lại. Tuy nhiên, ông Ng1, ông Ng2, ông C1 xác định đây chỉ là văn bản thỏa thuận để ông C2 làm thủ tục nhận tiền khi nhà nước thực hiện việc chi trả tiền bồi thường thu hồi đất.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 11-6-2019 của Tòa án nhân dân Thành phố BG đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 về chia di sản thừa kế.

2. Chia di sản của cụ Thoa, cụ Soi để lại như sau:

2.1. Giao cho ông Nguyễn Văn C2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1284 m² đất nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSDĐ/176/QĐ-UB-H của UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi, cụ thể gồm:

- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 3, diện tích 264 m² địa chỉ: xứ đồng Cây Quân, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 480 m² và 360 m² địa chỉ: xứ đồng Đình, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3, diện tích 180 m² địa chỉ: xứ đồng Dâu, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Giao cho ông C2 được hưởng tiền công sức chăm sóc cụ Soi và cụ Thoa cùng công sức quản lý, duy trì di sản thừa kế là 37.005.840 đồng.

2.3. Giao cho ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 mỗi người được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 60.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 được quyền nhận số tiền này trong số tiền 196.989.480 đồng do UBND thành phố BG, tỉnh Bắc Giang bồi thường khi thu hồi đất với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 624m² và 108m² tại xứ đồng De nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSDĐ/176/QĐ-UB-H của UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi.

2.4. Giao cho ông Nguyễn Văn C2 được nhận số tiền 16.989.480 đồng trong số tiền 196.989.480 đồng do UBND thành phố BG, tỉnh Bắc Giang bồi thường khi thu hồi đất với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 624m² và 108m² tại xứ đồng De nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSDĐ/176/QĐ-UB-H của UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi.

2.5. Đình chỉ đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H1. Tạm giao kỷ phần di sản thừa kế của bà Hoa có giá trị tính thành tiền là 60.000.000 đồng cho ông C2 quản lý sử dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, chi phí tố tụng, án phí và quyền thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 12 và 25/6/2019 các ông Nguyễn Văn Ng2, Nguyễn Văn Ng1, Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn C2 và bà Thân Thị H2 nộp đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của TAND Thành phố BG.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng nguyên đơn là ông Ng1, ông Ng2, ông

C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; Ông C2 là bị đơn và bà H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đồng nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đồng thời thống nhất đề nghị được chia thừa kế cho các đồng thừa kế bằng đất.

Ông Nguyễn Văn C2 và bà Thân Thị H2 trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của các đồng nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự khác cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo thấy:

* Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn C2 và bà Thân Thị H2 kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyễn Văn Soi, chết ngày 28/3/2011 và cụ Trịnh Thị Thoa, chết ngày 12/02/ 2003. Ngày 12/6/2018, đồng nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của các cụ nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn Soi và cụ Trịnh Thị Thoa: Nguyên đơn, bị đơn đều có lời khai thống nhất về việc cụ Soi, cụ Thoa có 07 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Hương (là liệt sỹ hi sinh năm 1981), ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn Căn (đã chết năm 2000) và ông Nguyễn Văn C2. Ngoài ra, cụ Soi, cụ Thoa không có người con nuôi, con ngoài giá thú nào khác, các đương sự đều không có tranh chấp gì về hàng thừa kế nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, xác định những người thuộc hàng thừa

kế thứ nhất của cụ Soi, cụ Thoa hiện còn, gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Văn C2.

[2.2] Đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H1 rút yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án tạm giao kỹ phần của bà trong khối di sản của bố mẹ để lại cho ông Nguyễn Văn C2 nên cần ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu của bà Hoa.

[2.3] Về di sản thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận lúc sinh thời cụ Thoa, cụ Soi tạo lập được tài sản chung là: 1.284 m² đất nông nghiệp được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSDĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi trong đó gồm có các thửa như sau: Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 3, diện tích 264 m² địa chỉ: xứ đồng Cây Quân; Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 480 m² và 360 m² địa chỉ: xứ đồng Đình; Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3, diện tích 180 m² địa chỉ: xứ đồng Dâu, cùng ở Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ số tiền Nhà nước chi trả khi thu hồi đất là 259.965.480 đồng, trong đó số tiền Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích thu hồi 51m² tại xứ đồng cây Duối là 9.588.000 đồng và số tiền Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 276m² tại xứ đồng Muộn là 53.388.000 đồng do ông C2 và bà H3 đã nhận tiền bồi thường; số tiền Nhà nước bồi thường đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 604m² và 108m² tại xứ đồng De là 196.989.480 đồng hiện chưa được Nhà nước chi trả do có tranh chấp và các thửa đất do ông C2, bà H3 đang quản lý sử dụng như sau:

- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 3, diện tích 264 m² địa chỉ: xứ đồng Cây Quân, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 480 m² và 360 m² địa chỉ: xứ đồng Đình, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3, diện tích 180 m² địa chỉ: xứ đồng Dâu, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Do đó xác định Quyền sử dụng đất và số tiền nêu trên là di sản thừa kế của cụ Soi, cụ Thoa.

Đối với việc ông C2, bà H3 cho rằng toàn bộ tài sản này đã được cụ Soi giao lại hết cho ông C2 bằng Giấy ủy quyền ngày 25/11/2006 và được các anh chị em thống nhất cho tài sản theo Biên bản họp gia đình ngày 28/6/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giấy ủy quyền ngày 25/11/2006 được cụ Soi lập ngày 25/11/2006 có đóng dấu xác nhận của UBND xã SKh, nhưng nội dung chỉ giao cho ông Nguyễn Văn C2 được toàn quyền sử dụng nhà và đất thổ cư, không có nội dung nào liên quan đến đất ruộng. Hơn nữa, khi cụ Soi, cụ Thoa chết không để lại di chúc gì liên quan đến phần đất ruộng nên cần xác định toàn bộ tài sản tranh chấp

nêu trên là di sản thừa kế để chia theo pháp luật. Đối với Biên bản họp gia đình ngày 28/6/2017, phía ông Ng1, ông Ng2, ông C1 đều xác định việc lập biên bản này để ông C2 làm thủ tục nhận tiền khi Nhà nước thực hiện việc chi trả tiền bồi thường thu hồi đất, phía UBND xã SKh có quan điểm việc UBND xã SKh xác nhận Biên bản họp gia đình ngày 28/6/2017 thực tế do ông C2 trình bày trong gia đình thống nhất cho ông C2 đại diện các anh em nhận tiền bồi thường khi Nhà nước trả tiền thu hồi đất để về chia cho các anh em trong gia đình. Hơn nữa, đất ruộng đang có tranh chấp hiện nay vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi. Do đó, việc ông C2 cho rằng đã được các anh chị em trong gia đình thống nhất cho là không có cơ sở.

[2.4] Về chia di sản thừa kế:

- Phần diện tích đất nông nghiệp hiện đang tranh chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 1.284 m² do vợ chồng ông C2 quản lý sử dụng từ khi về ở với cụ Soi, cụ Thoa cho đến nay, quá trình sử dụng thực tế có biến động về diện tích đất đồng thời qua đặc lại bản đồ đã có sự thay đổi về tên thửa đất, tuy nhiên, do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi Tòa án thực hiện thủ tục thẩm định tại chỗ để đo đạc bằng máy thì bị đơn cản trở việc đo đạc, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào số liệu về diện tích, số thửa đất, tờ bản đồ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi để chia, khi bản án có hiệu lực pháp luật, các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, các đương sự căn cứ vào bản án và so sánh thực tế để thực hiện.

- Ông C2, bà H3 là người ở cùng cụ Soi, cụ Thoa có công chăm sóc, phụng dưỡng cụ Soi, cụ Thoa khi ốm đau và lo ma khi các cụ mất, đồng thời ông C2, bà H3 là người quản lý sử dụng di sản thừa kế từ khi cụ Soi, cụ Thoa mất, cho đến nay thực tế vẫn đang là người quản lý sử dụng nên là người có công trong việc quản lý, duy trì di sản. Do đó trong tổng số di sản thừa kế cần trích chia công sức chăm lo bố mẹ, quản lý, duy trì di sản thừa kế cho ông C2, bà H3 số tiền tương đương khoảng 10% tổng số giá trị di sản thừa kế, tính thành tiền là 37.005.840 đồng.

Toàn bộ di sản thừa kế còn lại sẽ được chia đều cho 05 đồng thừa kế như sau:

- Đối với bà Hoa rút yêu cầu khởi kiện và có ý kiến đề nghị tạm giao cho ông C2, bà H3 quản lý sử dụng, nên phần kỷ phần di sản của bà Hoa lẽ ra bà được Tòa án chia (Nếu bà yêu cầu chia) sẽ tạm giao cho ông C2 quản lý sử dụng, bà Hoa có quyền khởi kiện đòi ông C2 bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

- Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất chưa bị Nhà nước thu hồi hiện nay vẫn do ông C2, bà H3 đang quản lý sử dụng, canh tác ổn định, thực tế qua sử dụng đã có sự biến động, nhưng chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần giao cho ông C2 tiếp tục quản lý sử dụng đất, nhưng ông C2 và bà H3 phải trích chia đều bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

- Đối với di sản thừa kế là tiền nhà Nước bồi thường khi thu hồi đất ở xứ đồng De, đồng Muộn, cây Duối là chia đều cho các đồng thừa kế.

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị đất nông nghiệp trồng lúa tại Thôn YKh, xã SKh: 60.000 đồng/1m², tổng diện tích đất nông nghiệp là di sản của cụ Thoa, cụ Soi hiện còn do ông C2 và bà H3 đang quản lý, sử dụng là: 1.284 m² nên tổng giá trị di sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp tính thành tiền là: 60.000đồng/m² x 1.284 m² = 77.040.000 đồng. Số tiền nhà nước bồi thường khi thu hồi đất ở xứ đồng De, đồng Muộn, cây Duối là 259.965.480 đồng trừ đi số tiền trích chia công sức chăm lo bố mẹ, quản lý, duy trì di sản thừa kế cho ông C2 37.005.480 đồng còn lại là 222.960.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế còn lại là 77.040.000 đồng + 222.960.000 đồng = 300.000.000 đồng, chia làm 05 phần mỗi người được hưởng 60.000.000 đồng.

Do ông C2 đã nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xứ đồng Muộn và Cây Duối là 62.976.000 đồng, số tiền Nhà nước chưa chi trả khi bồi thường đất thu hồi là 196.989.480 đồng nên giao cho ông Ng1, ông C1, ông Ng2 mỗi người được nhận 60.000.000 đồng trong số tiền Nhà nước bồi thường 196.989.480 đồng khi thu hồi đất ở xứ đồng De. Giao cho ông C2, bà H3 được nhận 16.989.480 đồng trong số tiền Nhà nước bồi thường 196.989.480 đồng khi thu hồi đất ở xứ đồng De. Tạm giao kỹ phần thừa kế của bà Hoa bằng tiền 60.000.000 đồng cho ông C2 quản lý sử dụng.

[3] Ngoài ra trên đất còn một số tài sản khác như hoa lợi trên đất nhưng các đương sự không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản phía nguyên đơn gồm ông Ng1, ông Ng2, ông C1 thanh toán hết 1.500.000 đồng, nay các ông xin chịu toàn bộ, không yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỹ phần được hưởng theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Văn C2 phải chịu án phí sơ thẩm tương đương với kỷ phần thừa kế được hưởng.

- Do bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi. Mặt khác, bà Nguyễn Thị H1 rút yêu cầu khởi kiện nên bà Hoa không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về tố tụng: Theo đơn kháng cáo của ông C2 và bà H3 cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án không có thông báo thụ lý vụ án, không có biên bản xác minh nội dung vụ án, không có biên bản hòa giải trước khi xét xử là không có căn cứ. Trong hồ sơ vụ án, thông báo thụ lý là bút lục số 122 và biên bản hòa giải là bút lục 178- 182.

* Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 đều yêu cầu chia thừa kế bằng ruộng không đồng ý với việc chia bằng tiền: Đối với diện tích đất nông nghiệp của cụ Thoa, cụ Soi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Đến nay diện tích thực tế thừa đất so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây không xác định được sự chênh lệch do phía bị đơn cản trở việc đo đạc, thẩm định của các cơ quan chuyên môn. Các đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 1999.

Bởi lẽ trên, Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử là có căn cứ pháp luật, kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Thân Thị H2. Giữ nguyên án sơ thẩm xử.

Căn cứ các Điều 618, 623, 649, 651, 631, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 156, Điều 165, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 về chia di sản thừa kế.

2. Chia di sản của cụ Thoa, cụ Soi để lại như sau:

2.1. Giao cho ông Nguyễn Văn C2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1284 m² đất nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H của UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi, cụ thể gồm:

- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 3, diện tích 264 m² địa chỉ: xứ đồng Cây Quân, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 480 m² và 360 m² địa chỉ: xứ đồng Đình, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3, diện tích 180 m² địa chỉ: xứ đồng Dâu, Thôn YKh, xã SKh, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Giao cho ông C2 được hưởng tiền công sức chăm sóc cụ Soi và cụ Thoa cùng công sức quản lý, duy trì di sản thừa kế là 37.005.840 đồng.

2.3. Giao cho ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 mỗi người được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 60.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1 được quyền nhận số tiền này trong số tiền 196.989.480 đồng do UBND thành phố BG, tỉnh Bắc Giang bồi thường khi thu hồi đất với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 624m² và 108m² tại xứ đồng De nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H của UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi.

2.4. Giao cho ông Nguyễn Văn C2 được nhận số tiền 16.989.480 đồng trong số tiền 196.989.480 đồng do UBND thành phố BG, tỉnh Bắc Giang bồi thường khi thu hồi đất với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích thu hồi 624m² và 108m² tại xứ đồng De nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00673/QSĐĐ/176/QĐ-UB-H của UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/6/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Soi.

2.5. Đình chỉ đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H1. Tạm giao kỷ phần di sản thừa kế của bà Hoa có giá trị tính thành tiền là 60.000.000 đồng cho ông C2 quản lý sử dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.799.827 đồng tương ứng theo các biên lai số AA/2012/06996, AA/2012/06997, AA/2012/06998 cùng ngày 13/9/2018 tại Chi

cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người phải nộp thêm 200.173 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn C2 phải chịu 4.850.274 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn C2, bà Thân Thị H2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận ông Nguyễn Văn Ng1 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai AA/2018/0001861. ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, (Do cô Tần nộp thay).

Xác nhận ông Nguyễn Văn Ng2 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai AA/2018/0001862 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, (Do cô Tần nộp thay).

Xác nhận ông Nguyễn Văn C1 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai AA/2018/0001863 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, (Do cô Tần nộp thay).

Xác nhận ông Nguyễn Văn C2 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai AA/2018/0001052 ngày 28/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Xác nhận bà Thân Thị H2 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai AA/2018/0001054 ngày 01/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

- Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.799.827 đồng tương ứng theo các biên lai số AA/2012/06996, AA/2012/06997, AA/2012/06998 cùng ngày 13/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Ông Nguyễn Văn Ng1, ông Nguyễn Văn Ng2 và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người phải nộp thêm 200.173 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn C2 phải chịu 4.850.274 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-

ưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân Tp. Bắc Giang;
- Chi cục THADS Tp. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết

Phạm Thị Minh Hiền + Lương Xuân Lộc

Đặng Văn Quyết